(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo thông tư số 61/2017/TT-BTC
Ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

PHÒNG GD& ĐT THỊ XÃ BẾN CÁT
TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số 256/QĐ-TH

Mỹ Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2022 của Trường TH Trần Quốc Tuấn

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của Nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2022 của trường tiểu học Trần Quốc Tuấn (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế hoạch tài vụ và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- PGD& ĐT TX Bến Cát
- Lưu TC- VT

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX.BẾN CÁT T.BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TUẤN

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ : TH TRẦN QUỐC TUẤN
CHƯƠNG : 622 , LOẠI:490

CÔNG KHAI
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU NĂM 2022

(kèm theo quyết đính số 25 ngày 6/12/2022 của Trường TH Trần Quốc Tuấn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	**Tổng kinh phí năm 2021**	**13.192.197.010**
	Tồn năm 2019 mang sang	
	Kinh phí cấp 2021	**13.192.197.010**
	Kinh phí thường xuyên	10.260.796.248
	Kinh phí không thường xuyên	2.931.400.762
	10% tiết kiệm CCTL	0
B	**Dự toán chi ngân sách nhà Nước**	**13.192.197.010**
3	**Chi cho sư nghiệp giáo dục , đào tạo**	**10.260.796.248**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên năm 2021**	**10.260.796.248**
6000	**Tiền lương**	**4.021.778.200**
1	*Lương ngạch bậc*	4.021.778.200
3	*Lương hợp đồng*	
	Truy lương	**140.545.796**
6750	**Chi phí thuê mướn**	**172.380.000**
57	*Thuê lao động trong nước*	172.380.000
6050	**Tiền công trả cho lao động hợp đồng**	**283.914.000**
1	*Tiền công trả cho vị trí lao động theo hợp đồng*	283.914.000
6100	**Phụ cấp**	**1.886.284.515**
1	*Phụ cấp chức vụ*	71.296.500
12	*Ưu đãi*	1.283.405.800
13	*Trách nhiệm*	7.152.000
15	*Thâm niên, vượt khung*	524.430.215
6300	**Các khoản đóng góp**	**1.191.300.056**
1	*BHXH 17,5%*	887.914.810
2	*BHYT 3%*	152.213.967
3	*KPCĐ2%*	101.475.978
4	*BHTN 1%*	49.695.301
6400	**Thanh toán cá nhân**	**80.000.000**
4	*Tăng thu nhập*	-
49	*Trợ cấp khác*	80.000.000
6500	**Dịch vụ công cộng**	**918.000.000**
1	*Điện*	420.000.000
2	*Nước*	480.000.000
4	*VSMT*	18.000.000
6550	**Vật tư văn phòng**	**303.500.000**
51	*VPP*	36.000.000
52	*Công cụ , dụng cụ , văn phòng*	47.500.000
99	*Vật tư khác*	220.000.000
6600	**Thông tin liên lạc**	**21.800.000**
1	*Điện thoại*	1.800.000
5	*Cước Internet*	12.000.000
8	*Sách báo, tạp chí*	3.200.000
18	*Khoán điện thoại*	4.800.000
6700	**Công tác phí**	**56.000.000**
1	*Tiền tàu xe*	18.000.000
2	*Phụ cấp CTP*	24.000.000
3	*Thuê phòng ngủ*	2.000.000
4	*Khoán công tác phí*	12.000.000
6750	**Chi phí thuê mướn**	**158.000.000**
51	*Vận chuyển*	10.000.000
58	*Thuê đào tạo lai cán bộ*	10.000.000
99	*Thuê mướn khác*	138.000.000
6900	**Sửa chữa thường xuyên**	**475.000.000**
7	*Sửa chữa nhà,cửa*	50.000.000
12	*Thiết bị tin học*	55.000.000
13	*Sửa chữa tài sản thiết bị văn phòng*	30.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
21	*Đường điện,cấp thoát nước*	190.000.000
49	*Máy móc , thiết bị khác*	150.000.000
6950	**Chi mua sắm**	**42.000.000**
55	*Thiết bị văn phòng*	11.000.000
99	*Thiết bị khác*	31.000.000
7000	**Chi phí NVCM**	**395.640.000**
1	*Vật tư chuyên môn*	30.000.000
4	*Đồng phục , trang phục*	5.040.000
12	*Chi phí hoạt động chuyên ngành*	5.000.000
49	*Chi khác*	355.600.000
7050	**Mua tài sản vô hình**	**20.000.000**
53	*Bảo t rì phần mềm công nghệ thông tin*	20.000.000
7750	**Chi khác**	**94.053.681**
56	*Chi phí ,lệ phí*	5.000.000
57	*Bảo hiểm cháy nổ*	10.000.000
61	*Chi tiếp khách*	5.000.000
64	*Chi lập quỹ khen thưởng*	20.400.000
99	*Chi khác*	53.653.681
7850	**Chi cho công tác Đảng tổ chức Đảng cơ sở**	**600.000**
99	*Chi trợ cấp bí thư*	600.000
	Tổng cộng :	**10.260.796.248**
3	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**2.931.400.762**
6150	**Hỗ trợ cho học sinh nghèo**	**5.850.000**
57	Hỗ trợ cho học sinh nghèo	5.850.000
6300	**Các khoản đóng góp**	**37.081.590**
1	*BHXH 17,5%*	27.613.950
2	*BHYT 3%*	4.733.820
3	*KPCĐ2%*	3.155.880
4	*BHTN 1%*	1.577.940
6400	**Các khoản thanh toán cho cá nhân**	**1.408.638.790**
49	*Phụ cấp thêm giờ*	89.000.000
49	Chi hỗ trợ giáo viên cốt cán	6.313.914
49	Hỗ trợ bảo vệ: 3 người x 12th x 600.000	21.600.000
49	*Hỗ trợ phục vụ: 2 người x 12th x 500.000*	12.000.000
49	Hỗ trợ giáo viên không trực tiếp đứng lớp	86.676.876
49	Hỗ trợ giáo viên dạy vượt 20% số học sinh/lớp	1.090.000.000
49	*Hỗ trợ nhà giáo ưu tú : 2 người x 7.152.000*	14.304.000
49	Hỗ trợ ngày 20/11: 77 người x 200.000	15.400.000
49	Hỗ trợ khác địa bàn	5.400.000
49	*Hỗ trợ nhà trọ*	37.548.000
49	Hỗ trợ viên chức phụ trách thư viện	3.576.000
49	Trợ cấp sau đại học - thạc sĩ 1 người	26.820.000
6550	***Vật tư văn phòng***	**870.000.000**
52	*Mua sắm công cụ ,dụng cụ*	870.000.000
6750	**Chi phí thuê mướn**	**207.794.000**
57	*Thuê l ao động trong nước*	157.794.000
58	*Đào tạo*	50.000.000
7000	***Chi phí nghiệp vụ chuyên môn***	**1.800.000**
4	*Đồng phục , trang phục*	1.800.000
7750	**Chi khác**	**223.383.065**
53	*Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh*	72.613.065
99	*Chi tiền tết*	150.770.000
8000	**Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm**	**176.853.317**
06	Chi tinh giản biên chế	176.853.317
	Tổng cộng :	**13.192.197.010**

Bến cát, ngày 06 tháng 12 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TUẤN

Nguyễn Thị Tuyết Minh